TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27-6-2023
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phượng Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Huỳnh Ngọc Anh

- Ông Nguyễn Ngọc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên tòa*: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 27/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/6/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kiều O** sinh năm 1997; trú tại: Số 04, thôn T, xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Tống Hoàng T** sinh năm 1997; trú tại: Xóm 1, thôn K, xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều O:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Tống Hoàng T kết hôn 14/4/2021, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Kết hôn là tự nguyện. Khi hai bên chưa đăng ký kết hôn thì đã có thời gian chung sống với nhau khoảng ba tháng, đến ngày 14/4/2021 vợ chồng mới đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn thì vợ chồng tiếp tục chung sống đến ngày 12/5/2021 hai bên gia đình phát sinh mâu thuẫn nên huỷ hôn và không tổ chức lễ cưới hỏi nữa. Nguyên nhân

mâu thuẫn chủ yếu là do hai bên gia đình, gia đình bà theo đạo thiên chúa, còn gia đình chồng bà thì theo phật, dẫn đến sự bất đồng cả hai bên. Vợ chồng không chung sống với nhau từ tháng 5/2021 đến nay, mâu thuẫn trầm trọng. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu ly hôn với ông Tống Hoàng T.

- Về con chung: Vợ chồng bà có 01 con chung tên Tống Ngọc Anh K sinh ngày 13/11/2021. Hiện nay con chung đang sống với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung cho đến ngày con chung thành niên.

- Về cấp dưỡng: Bà không yêu cầu ông Tống Hoàng T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng bà không có tài sản chung, không có nợ chung, tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn ông Tống Hoàng T tại biên bản lấy lời khai ngày 18/5/2023:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Kiều O kết hôn năm 2021, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng kết hôn là tự nguyện, không tổ chức lễ cưới hỏi, có thời gian tìm hiểu nhau khoảng một năm. Sau khi kết hôn vợ chồng có thời gian chung sống khoảng ba, bốn tháng. Trong thời gian chung sống này có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vả nên bà O bỏ nhà đi và hai bên gia đình huỷ bỏ tổ chức lễ cưới. Từ đó đến nay hai bên không gặp gỡ, nói chuyện, không có thiện chí hoà giải. Nay bà O yêu cầu ly hôn, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không có khả năng hoà giải đoàn tụ nên ông đồng ý ly hôn với bà O.

- Về con chung: Vợ chồng ông có 01 con chung tên Tống Ngọc Anh K sinh ngày 13/11/2021. Khi ly hôn ông đồng ý giao bà O nuôi con chung cho đến ngày con chung thành niên.

- Về cấp dưỡng: Ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng ông không có tài sản chung, không có nợ chung, ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Do hiện nay ông đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông. Ông vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 18/5/2023 và không có ý kiến gì khác.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông T biết; do ông T vắng mặt nên không T hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc "Tranh chấp ly hôn" giữa nguyên đơn bà O với bị đơn ông T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt và có đơn xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà O với ông T kết hôn 14/4/2021, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Kết hôn là tự nguyện. Khi hai bên chưa đăng ký kết hôn thì đã có thời gian chung sống với nhau khoảng ba tháng, đến ngày 14/4/2021 vợ chồng ông, bà mới đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn thì vợ chồng ông, bà tiếp tục chung sống đến ngày 12/5/2021 thì hai bên gia đình phát sinh mâu thuẫn nên huỷ hôn và không tổ chức lễ cưới hỏi nữa. Theo bà O, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do gia hai bên gia đình, gia đình bà theo đạo thiên chúa, còn gia đình chồng bà thì theo phật, dẫn đến sự bất đồng cả hai bên. Vợ chồng ông, bà không chung sống với nhau từ tháng 5/2021 đến nay. Nay bà O xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà O yêu cầu ly hôn với ông Tống Hoàng T. Theo ông T, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vả nên bà O bỏ nhà đi và hai bên gia đình huỷ bỏ tổ chức lễ cưới. Từ đó đến nay hai bên không gặp gỡ, nói chuyện, không có thiện chí hoà giải. Nay bà O yêu cầu ly hôn, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không có khả năng hoà giải đoàn tụ nên ông đồng ý ly hôn với bà O. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà O với ông T đã trầm trọng, kéo dài. Bà

O và ông T không còn chung sống với nhau từ tháng 5/2021 đến nay và đều có yêu cầu được ly hôn, nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà O về việc ly hôn với ông T.

- *Về con chung:* Bà O với ông T có 01 con chung tên Tống Ngọc Anh K sinh ngày 13/11/2021. Hiện nay con chung đang sống với bà O. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung cho đến ngày con chung thành niên. Ông T đồng ý giao con chung cho bà O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày con chung thành niên.

Xét thấy, bà O và ông T đều có yêu cầu giao bà O nuôi con chung tên K cho đến ngày con chung thành niên, cháu K còn nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi, do đó giao con chung cho bà O nuôi dưỡng cho đến ngày con chung thành niên là phù hợp quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng về việc nuôi con chung giữa bà O và ông T.

- *Về cấp dưỡng:* Bà O không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà O với ông T không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Bà O phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự 2008;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kiều O, xử cho bà Nguyễn Thị Kiều O với ông Tống Hoàng T ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung tên Tống Ngọc Anh K sinh ngày 13/11/2021 cho bà Nguyễn Thị Kiều O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày con chung thành niên.

3. Về cấp dưỡng: Ông Tống Hoàng T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

4. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Kiều O phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình, bà O đã dự nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013255 ngày 29/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng được chuyển thu.

5. Về quyền kháng cáo: Bà O có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (Số 15, đăng ký ngày 14/4/2021);
- Lưu AV, HS.

Lê Thị Phượng Diễm